TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **171**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28/7/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thục

Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 28/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 142/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị G, sinh năm 1984 (Xin vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn Giạ, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn:** Anh Lê Hoàng Đ, sinh năm 1981 (Xin vắng mặt)

Nơi thường trú cuối cùng: thôn Giạ, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. (Hiện đang ở nước ngoài không có địa chỉ).

- Người đại diện nhận văn bản tố tụng của anh Đ: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn Giạ, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Bùi Thị G trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hoàng Đ có tự do tìm hiểu đến ngày 10/3/2006 tổ chức kết hôn với nhau, việc kết hôn trên cơ sở tình cảm tự nguyện và được sự đồng ý của 2 bên gia đình tổ chức đám cưới. Anh chị đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND phường 4, thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, anh Đ đã chuyển hộ khẩu ra sinh sống cùng

chị tại xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang và anh chị chung sống hạnh phúc đã có 02 con chung.

Năm 2011 do điều kiện kinh tế nên anh Đ đã sang Đài Loan lao động. Thời gian đầu khi anh Đ đi làm việc tại nước ngoài thì vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, trao đổi về cuộc sống và nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay, giữa anh chị đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ đó giữa anh chị ngày càng ít liên lạc với nhau hơn và không còn quan tâm đến nhau nữa, anh Đ chỉ thỉnh thoảng gọi điện về hỏi thăm các con. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Lê Hoàng Đ được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Lê Anh T, sinh ngày 30/5/2006 và cháu Lê Hoàng Đ Khoa, sinh ngày 16/9/2011. Hiện nay cháu cháu Thư và cháu Kha đều đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Lê Anh T và cháu Lê Hoàng Đ Khoa cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ: Anh chị sẽ tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về địa chỉ của anh Đ ở Đài Loan thì chị cũng không được biết vì anh Đ hiện nay đang lao động bất hợp pháp nên giấu địa chỉ. Trước đây khi Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý giải quyết vụ án, thì bạn thân của anh Đ là anh Bùi Văn Trường có liên hệ với anh Đ và chụp cho anh Đ Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang để anh Đ biết được sự việc. Sau đó anh Đ có nhờ người quen bên Đài Loan gửi "Bản tự khai đề ngày 03/3/2023 của anh Đ" và chị đã cung cấp Bản tự khai này cho Tòa án.

** Bị đơn anh Lê Hoàng Đ có văn bản trình bày:*

Anh và chị G có quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu ngày 10/3/2006 đã kết hôn với nhau tại UBND phường 4, thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, anh và chị G về xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ và mâu thuẫn trầm trọng vào năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống và trong việc làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với chị G.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Anh T, sinh ngày 30/5/2006 và cháu Lê Hoàng Đ Khoa, sinh ngày 16/9/2011. Hiện nay cả 2 cháu đều đang ở với chị G, khi ly hôn anh tôn trọng nguyện vọng của các cháu về việc lựa chọn sinh sống cùng ai. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Do điều kiện đi làm ở xa anh xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, mọi văn bản giấy tờ gửi cho anh thì anh đề nghị gửi cho anh Bùi Văn Trường, sinh năm 1985, địa chỉ tại thôn Giạ, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang để anh Trường thông báo cho anh biết.

* Con chung là cháu Lê Anh T và cháu Lê Hoàng Đ Khoa trình bày: Các cháu là con của mẹ Bùi Thị G và bố Lê Hoàng Đ. Các cháu có biết mẹ các cháu đang làm đơn ly hôn với bố tại Tòa án, bố mẹ các cháu đã không sống với nhau từ lâu. Hiện nay cháu Thư đang học lớp 11, cháu Khoa đang học lớp 6, cả hai cháu đều đang ở với mẹ tại xã Thái Đào. Nếu bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị G và anh Đ đều xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị G. Xử:

Cho chị Bùi Thị G được ly hôn anh Lê Hoàng Đ.

Về con chung: Giao cháu Lê Anh T, sinh ngày 30/5/2006 và cháu Lê Hoàng Đ Khoa, sinh ngày 16/9/2011 cho chị Bùi Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Bùi Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bùi Thị G là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Bắc Giang có đơn xin ly hôn đối với anh Lê Hoàng Đ. Bị đơn anh Lê Hoàng Đ là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 420/QLXNC ngày 28/3/2023 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Bắc Giang thì anh Lê Hoàng Đ đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 15/10/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Lê Hoàng Đ được xác định là đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị G và anh Đ đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị G và anh Lê Hoàng Đ đăng ký kết hôn ngày 10/3/2006 tại UBND phường 4, thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cả chị G và anh Đ đều xác định quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. HĐXX thấy: vợ chồng chị G, anh Đ hiện nay đã mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng với nhau về quan điểm sống, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị G khởi kiện đề nghị ly hôn, anh Đ đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, xử cho chị G được ly hôn với anh Đ.

[4]. Về con chung: Chị Bùi Thị G và anh Lê Hoàng Đ có 02 con chung là cháu Lê Anh T, sinh ngày 30/5/2006 và cháu Lê Hoàng Đ Khoa, sinh ngày 16/9/2011. Sau khi ly hôn Giang đề nghị được nuôi cả hai con chung, anh Đ tôn trọng việc lựa chọn của các cháu. Bản thân cháu Thư và cháu Khoa đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ, anh Đ hiện đang ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của cháu Trung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị G được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Anh T và cháu Lê Hoàng Đ Khoa.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị G không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị G và anh Đ đều không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Bùi Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị G được ly hôn với anh Lê Hoàng Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Anh T, sinh ngày 30/5/2006 và cháu Lê Hoàng Đ Khoa, sinh ngày 16/9/2011 cho chị Bùi Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị G phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0015037 ngày 14/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Lê Hoàng Đ hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Bùi Thị G cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang
- UBND phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hải Hường

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**		**THẨM PHÁN -** **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Nguyễn Văn Thục	**Nguyễn Thị Bích**	**Hoàng Thị Hải Hường**